

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HS-ST
Ngày 10 - 3 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dịu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Kho

Ông Bùi Đình Ngát

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11 /2020/TLST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh năm 1968 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình N1 và bà Bùi Thị C1; có chồng là Đặng Văn Đ1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/11/2018; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Đặng Văn P, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng: Ông Đặng Văn Đ1, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt

Những người làm chứng: Bà Ngô Thị V, anh Đặng Văn Đ, cháu Đặng Kim O; người đại diện cho cháu O là bà Ngô Thị V, bà nội cháu O; đều có mặt. Cụ Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Đình C, ông Ngô Xuân T1, ông Vũ Văn L, ông Đặng

Văn T2, bà Đặng Thị H, anh Đặng Văn T3, chị Ngô Thị Hồng T4, anh Vũ Duy B, cháu Đỗ Ngọc M; người đại diện cho cháu M là chị Đặng Thị T5, mẹ đẻ cháu M; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Đặng Văn P và ông Đặng Văn Đ1 là anh em ruột, gần nhà nhau, cùng cư trú tại thôn V, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; giữa ông P và gia đình ông Đ1 đã mâu thuẫn với nhau từ trước. Tối ngày 16/9/2018 gia đình ông Đ1 hát Karaoke làm ảnh hưởng đến việc học tập của cháu ông P nên ông P và gia đình ông Đ1 tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Nguyễn Thị T là vợ ông Đ1, cùng ông Đ1 và Đặng Văn Đ (là con trai của T và ông Đ1) đi ra cổng nhà ông P, vừa đi T vừa cãi nhau với ông P. Khi gia đình T đi sang cổng nhà ông P thì ông P đi vào khu vực sân nhà mình lấy 01 gậy gỗ dài 1,3m, bản rộng 4x4cm mang ra ngoài cổng. Tại đây, hai bên xảy ra giằng co, xô xát làm gậy gỗ của ông P rơi xuống mặt đường. T nhặt chiếc gậy gỗ này và đánh nhiều nhất vào lưng, mặt và vùng đầu của ông P làm ông P bị T5 tích. Lúc này bà Ngô Thị V là vợ ông P và cháu Đỗ Ngọc M, Đặng Kim O là các cháu của ông P chạy ra hô hoán. T, Đ1, Đ đi về nhà còn ông P được đưa đến bệnh viện cấp cứu. Ngày 17/9/2018, bà V có đơn trình báo Công an huyện K. Sau đó, ông P nhiều lần có đơn đề nghị Công an huyện K giải quyết vụ việc.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 530/2018/TgT ngày 22/10/2018 của Trung tâm pháp y Hải Phòng kết luận: Nạn nhân bị chấn thương vùng đầu mặt, lưng phải gây vết thương vùng gò má trái, xây xước da vùng lưng. Kết quả chụp CT.Scanner sọ não tại Bệnh viện K không tổn thương nội sọ, gãy xương cung tiếp gò má trái. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do vết thương gò má trái gây nên là 2%; Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do tổn thương gãy xương cung tiếp gò má trái gây nên là 8%; tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do các thương tích trên gây nên theo phương pháp cộng lùi và làm tròn số là 10%. Các vết xây xước da vùng lưng đã bong vảy không đủ lớn để đánh giá tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể. Các thương tích trên có đặc điểm do vật tày có góc cạnh cứng tác động trực tiếp gây nên.

Sau khi điều trị thương tích ở bệnh viện K, do thương tích không khỏi nên ông P đã đến bệnh viện Hữu nghị V - Hà Nội khám, điều trị và có đơn yêu cầu giám định bổ sung.

Ngày 26/12/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K ban hành Quyết định trưng cầu giám định bổ sung. Tại bản Kết luận giám định pháp y bổ sung về thương tích số 689/2018/TgT ngày 03/01/2019 của Trung tâm pháp y Hải

Phòng kết luận: Nạn nhân có bị tổn thương tụ máu ngoài màng cứng cấp tính vùng trán đỉnh trái nhưng không xác định được tổn thương này xuất hiện từ thời điểm nào, không xác định được do chấn thương hay do bệnh lý, vì vậy không có căn cứ xác định tổn thương này có liên quan đến việc bị đánh ngày 16/9/2018 hay không, nên không đánh giá tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể đối với tổn thương này. Nếu thấy cần thiết đề nghị cơ quan Cảnh sát điều tra cho giám định ở cấp cao hơn.

Ngày 16/01/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K ban hành quyết định trưng cầu giám định lại tại Viện pháp y Quốc gia. Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 31/19/TgT ngày 23/01/2019 của Viện pháp y Quốc gia - Bộ y tế kết luận: Ông Đặng Văn P bị thương tích gãy cung tiếp xương gò má trái 8%; sẹo nhỏ vùng gò má trái 2%; tụ máu dưới màng cứng bán cấp đã điều trị hiện không có di chứng thần kinh 21%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gãy nên là 29%. thương tích do vật tày gây ra với lực mạnh. Tụ máu dưới màng cứng bán cấp phù hợp với thời điểm do chấn thương ngày 16/9/2018. Đồng thời giải thích: Máu tụ dưới màng cứng thấy trên phim chụp ngày 12/10/2018 là máu tụ bán cấp ở mức độ nhẹ nên chỉ cần điều trị nội khoa, không cần phẫu thuật. Vì vậy phim chụp tại Bệnh viện K (17/9/2018) trước đây 01 tháng thì không có tụ máu các khoang màng não là đúng vì tụ máu bán cấp thường xảy ra sau một thời gian bị chấn thương; còn phim chụp ngày 21/12/2018 tại Bệnh viện V thì sau hai tháng điều trị nội khoa máu tụ bán cấp thể nhẹ có thể tự tiêu nên trên phim không thấy là đúng.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Thị T khai: T là em dâu ông Đặng Văn P, nhiều năm gần đây giữa gia đình T và ông P đã xảy ra mâu thuẫn, chưa hòa thuận. Khoảng 22 giờ ngày 16/9/2018, khi gia đình T đã tắt máy Karaoke và đang ngủ thì nghe thấy tiếng ông P chửi bới xúc phạm tên ông N1 (là bố đẻ của T đã chết nhiều năm), T bực tức đi bộ sang phía cổng nhà ông P, vừa đi vừa hỏi tại sao ông P lại chửi tên ông N1, khi đi T không mang theo đồ vật, hung khí gì. Khi đến cổng nhà ông P; T nhìn thấy ông P cầm 01 gậy gỗ vung lên định vụt T thì ông Đ1 (chồng T) chạy đến ôm, giằng co với ông P, để đỡ ông P đánh T. Khi hai ông giằng co làm gãy gỗ của ông P đang cầm trên tay rơi xuống mặt đường. T nhặt gậy lên đánh nhiều nhát vào lưng và vùng đầu của ông P. Lúc này bà V, cháu M chạy ra hô hoán thì T, ông Đ1, Đ đi về nhà. T không biết Đ đến từ khi nào. T không bàn bạc với ai về việc đánh ông P.

Bị hại Đặng Văn P khai: Ông là anh trai ông Đặng Văn Đ1 (chồng T), trước kia giữa ông và gia đình ông Đ1 đã xảy ra mâu thuẫn, chưa hòa thuận với nhau. Tối ngày 16/9/2018 gia đình ông Đ1 hát Karaoke gây ảnh hưởng đến việc học tập của các cháu ông, nên ông nhắc nhở thì anh Đ (con trai ông Đ1) thách thức, chửi bới ông. Sau đó ông Đ1, Đ, T đi ra ngõ nhà ông cùng chửi bới ông. Ông nhìn thấy

T có cầm theo 01 chiếc gậy dài khoảng hơn 1m, nhưng không biết bằng chất liệu gì, nên ông vào nhà cầm 01 gậy gỗ dài khoảng hơn 1m, bản rộng khoảng 4x5cm ra để tự vệ. Khi ông ra đến cổng thì bị Đ dùng hai tay khóa hai tay của ông ra phía sau làm gậy trong tay ông rơi ra. T cầm chiếc gậy mà T mang theo vụt, đánh nhiều nhát vào đầu, mặt ông làm ông bị choáng; không thấy ông Đ1 có hành động gì, chỉ nhón nháo trước mặt ông. Lúc này, bà Ngô Thị V là vợ ông đi ra hô hoán thì gia đình ông Đ1 đi về nhà. Trong thời gian xảy ra xô xát, không có ai chứng kiến, ngoài những người nhà của hai bên.

Ông Đặng Văn Đ1 (chồng T) khai phù hợp với lời khai của T. Ngoài ra ông khai: Ông là em trai ông P. Tối ngày 16/9/2018, khi thấy T (vợ ông) cãi nhau với ông P và chạy ra ngõ nhà ông P, ông sợ xảy ra sự việc nghiêm trọng nên đã chạy theo sau T. Khi đi, ông không mang theo vật gì và cũng không nhìn thấy T mang theo vật gì, khi ra, ông nhìn thấy ông P cầm gậy định đánh T, nên ông đã ôm ông P để can ngăn, không cho ông P đánh T, trong khi giằng co với ông P thì gậy trong tay ông P rơi ra, ngay sau đó ông nghe thấy tiếng bộp, bộp mấy nhát, nhìn ra thấy T dùng gậy đánh ông P. Sau khi T đánh ông P xong, quay ra ông nhìn thấy Đ (con trai ông) đứng gần đó, không nói gì. Xong bà V (vợ ông P) ra thì ông, T, Đ cùng đi về. Thương tích của ông P do một mình T gây nên, ông không đánh ông P, không kích động, xúi giục T đánh ông P và cũng không được T bàn bạc để đánh ông P.

Anh Đặng Văn Đ (con trai của T và ông Đ1) khai phù hợp với lời khai của T, ông Đ1. Ngoài ra anh khai: Anh không được mẹ anh bàn bạc để đánh ông P; khi anh ra nhìn thấy bố, mẹ anh và ông P giằng co nhau, anh không nói, không hành động gì, vì anh buồn chán về sự việc mâu thuẫn giữa hai bên gia đình xảy ra từ lâu mà chưa hòa thuận.

Bà Ngô Thị V (vợ bị hại P), cháu Đỗ Ngọc M và cháu Đặng Kim O (là các cháu của bị hại P) khai: Quá trình xô xát, đánh nhau giữa ông P và gia đình ông Đ1 ở ngõ; bà cháu bà ở bên trong có nhìn thấy Đ khóa tay ông P ra phía sau, T dùng 01 gậy gỗ dài khoảng 1,2m, B rộng khoảng 5x5cm vụt, ông Đ1 cầm một vật không rõ là vật gì đánh vào đầu, mặt ông P. Thấy vậy bà V, cháu M, cháu O hô hoán chạy ra thì gia đình ông Đ1 đi về nhà; T cầm theo 01 chiếc gậy về.

Sau khi sự việc xảy ra, Công an xã H đã thu giữ 01 gậy gỗ dài 130cm, B rộng 4cm; 01 đôi dép nữ màu nâu tại ngõ nhà ông P; Đ thời tiến hành mở rộng tìm kiếm nhưng không thu được vật chứng nào khác. Số vật chứng trên đã bàn giao cho Cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không T4 giữ được chiếc gậy có đặc điểm như mô tả của ông P, bà V, cháu M và cháu O.

Ngày 10/12/2018 ông P giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc áo phong ngắn tay màu ghi xám có các vết nghi máu rải rác ở nách hai bên và sau lưng vai phải, là chiếc áo mà ông P mặc khi xô xát với gia đình ông Đ1.

Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo và bị hại đã thống nhất thỏa thuận với nhau về việc bồi thường thiệt hại, bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 250.000.000 Đ, trong đó ngày 03/12/2018 bị cáo đã nộp 50.000.000 Đ tại Cơ quan điều tra-Công an huyện K để bồi thường cho bị hại (đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện K quản lý) và đã bồi thường trực tiếp cho bị hại số tiền 200.000.000 Đ. Nay bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, ngoài số tiền 50.000.000 Đ đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện K quản lý.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày 30, 31/7/2019. Ngoài ra bị cáo khai: Do mâu thuẫn giữa gia đình bị cáo với bị hại xảy ra từ trước đến nay chưa hòa thuận được, nên tối ngày 16/9/2018 giữa bị cáo và bị hại lại xảy ra cãi chửi nhau, bị cáo không kiềm chế được bản thân, nên đã dùng gậy đánh nhiều nhất vào đầu, mặt, người của bị hại gây thương tích. thương tích của bị hại do một mình bị cáo gây nên; trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không bàn bạc với ai, không ai xúi giục, kích động bị cáo. Chiếc gậy được đưa ra xem xét tại phiên tòa là gậy mà bị cáo đã dùng để đánh bị hại và là gậy do bị hại mang ra. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo thấy rất ân hận, đã cùng gia đình hỏi thăm, xin lỗi bị hại, Đ thời nhận có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 250.000.000 Đ, trong đó bị cáo đã bồi thường trực tiếp 200.000.000 Đ và ngày 03/12/2018 ông Đ1 (chồng bị cáo) nộp 50.000.000 Đ tại Cơ quan điều tra để bồi thường cho bị hại, nay bị cáo tiếp tục dùng số tiền này để bồi thường cho bị hại. Đề nghị Hội Đ xét xử xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh, sức khỏe của bị cáo đang điều trị bệnh U sơ; bị cáo có bà ngoại là bà mẹ Việt Nam anh hùng, có anh trai là liệt sỹ trong kháng chiến chống Mỹ. Về đôi dép nữ màu nâu mà Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo không dùng vào việc phạm tội, bị cáo đề nghị xin lại để sử dụng.

Bị hại khai phù hợp với nội dung trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày 30, 31/7/2019. Ngoài ra bị hại trình bày: Do là anh em trong gia đình, sau khi sự việc xảy ra đến nay, bị cáo cùng các thành viên trong gia đình bị cáo đã sang gia đình bị hại xin lỗi và tự nguyện nhận bồi thường số tiền điều trị vết thương và các chi phí khác cho bị hại là 250.000.000 Đ, trong đó bị hại đã nhận 200.000.000 Đ, còn 50.000.000 Đ mà gia đình bị cáo đã nộp tại Cơ quan điều tra để bồi thường cho bị hại. Nay bị hại đề nghị trả lại cho bị hại số tiền trên và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác. Đề nghị Hội Đ xét xử bị cáo với hình phạt nhẹ nhất, được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng Đặng Văn Đ1 khai phù hợp với nội dung trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày 30, 31/7/2019. Ngoài ra ông trình bày: Toàn bộ số tiền mà ông đã nộp tại Cơ quan điều tra và bị cáo đã bồi thường cho bị hại là tiền chung của ông và bị cáo nhưng ông không yêu cầu bị cáo phải trả lại ông.

Người làm chứng Đặng Văn Đ khai phù hợp với nội dung trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày 30, 31/7/2019.

Người làm chứng Đặng Thị V, cháu Đặng Kim O, có bà V đại diện khai phù hợp với nội dung trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày 30,31/7/2019.

B cáo trạng số 09/CT-VKSKT ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố Nguyễn Thị T về tội Cố ý gây thương tích, theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung là "dùng hung khí nguy hiểm", quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị T về tội danh và điều luật như trên. Đề nghị Hội Đ xét xử, căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 24 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo và bị hại đã thống nhất thỏa thuận với nhau về việc bồi thường thiệt hại, bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 250.000.000 Đ, trong đó bị cáo đã bồi thường cho bị hại 200.000.000 Đ và ngày 03/12/2018 chồng bị cáo đã nộp 50.000.000 Đ tại Cơ quan điều tra (đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện K quản lý) để bồi thường cho bị hại. Như vậy trách nhiệm dân sự đã được thỏa thuận xong, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo.

Về vật chứng: Đối với 01 gậy gỗ dài 130cm, hình vuông, kích thước 4x4cm là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy; 01 đôi dép nữ màu nâu thuộc quyền sở hữu của bị cáo, không dùng vào việc phạm tội; tại phiên tòa bị cáo xin lại để sử dụng nên trả lại cho bị cáo; 01 áo phông ngắn tay màu ghi xám thuộc quyền sở hữu của bị hại, tại phiên tòa bị hại đề nghị xin lại, nên trả lại cho bị hại.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội Đ xét xử xem xét cho bị cáo hưởng hình phạt nhẹ nhất được cải tạo ngoài xã hội, để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm. Bị cáo xin lỗi bị hại tha thứ để tình cảm anh em trong gia đình được hàn gắn, đoàn kết như xưa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện cơ bản đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị hại có đơn khiếu nại đối với hành vi của Điều tra viên trong khi thực hiện khám nghiệm hiện trường, đã được Cơ quan điều tra, Công an huyện K giải quyết theo thẩm quyền. Ngoài ra tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; tuy nhiên Hội Đ xét xử thấy rằng: Cơ quan điều tra không tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 35 của Thông tư liên tịch số 04/ TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 19/10/2018 về việc đánh số bút lục tài liệu trong hồ sơ vụ án, vì tẩy xóa quá nhiều mà không có báo cáo giải trình lý do tẩy xóa; mặt khác, sau khi trả lại hồ sơ, Cơ quan điều tra đánh số bút lục từ 1 là không đúng mà phải đánh số bút lục tiếp theo mới đảm bảo trình tự theo quy định của pháp luật và phù hợp với Thông tư nêu trên, cần rút kinh nghiệm.

- Về tội danh; tình tiết định khung hình phạt; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[2] Trên cơ sở lời khai của bị cáo, bị hại phù hợp với nhau về hành vi của bị cáo đã dùng gậy đánh bị hại gây thương tích; tuy nhiên bị cáo, ông Đ1, anh Đ khai bị cáo dùng gậy của bị hại mang ra, bị hại khai bị cáo dùng gậy của bị cáo mang ra để đánh bị hại; căn cứ vào biên bản thu giữ vật chứng cũng như vật chứng thu được tại nơi xảy ra sự việc thì Công an xã H chỉ thu được 01 gậy gỗ (đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện K quản lý) và xem xét tại phiên tòa là chiếc gậy do bị hại mang ra hiện trường, Đ thời bị cáo, ông Đ1, anh Đ là những người thân thích của bị cáo khai thương tích của bị hại do một mình bị cáo gây nên. Bị hại, bà V, cháu O, cháu M là những người thân thích của bị hại khai anh Đ khóa tay bị hại để bị cáo đánh bị hại, ngoài ra bà V, cháu O, cháu M khai ông Đ1 cầm vật gì đó đánh vào đầu, mặt ông P; do không có người làm chứng khách quan nào khác chứng kiến sự việc khi đánh nhau; mặt khác sơ đồ hiện trường, biên B dựng lại hiện trường không thể hiện rõ vị trí thống nhất giữa các bên. Như vậy căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, lời khai của những người làm chứng, người liên quan, vật chứng thu được, Kết luận giám định pháp y về thương tích, sơ đồ hiện trường, biên bản dựng lại hiện trường và nội dung bản Cáo trạng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Giữa bị cáo Nguyễn Thị T và bị hại Đặng Văn P đã có mâu thuẫn, nên tối ngày 16/9/2018 tại thôn V, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Thị T đã dùng chiếc gậy gỗ dài 130cm, hình vuông, kích thước 4cm x

4cm, đánh gây thương tích cho ông Đặng Văn P bị tổn thương cơ thể 29% nên bị cáo phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại Điều 134 của Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo dùng gậy gây thương tích cho ông P; căn cứ hướng dẫn tại điểm 3.1 Mục 3 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn tại điểm c tiểu mục 2.2, Mục 2 phần I Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội Đ thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, được xác định là "Dùng hung khí nguy hiểm". Như vậy bị cáo đã thực hiện hành vi T4ộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là tình tiết định khung hình phạt, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Do đó bị cáo Nguyễn Thị T đã phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự đúng như Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố và đề nghị; không có cơ sở xác định có đồng phạm với bị cáo.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Cần phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo đồng thời để phòng ngừa chung.

[4] Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự: Được xác định là nhân thân tốt.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện bồi thường và tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bà ngoại là bà mẹ Việt Nam anh hùng, có anh trai là liệt sỹ trong kháng chiến chống Mỹ; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo; Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; ngoài ra bị cáo luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Do đó không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[8] Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 01 gậy gỗ dài 130cm, hình vuông, kích thước 4cm x 4cm tại hiện trường được xác định do bị cáo dùng để đánh bị hại, cần tịch thu tiêu hủy; 01 đôi dép nữ màu nâu thu ở hiện trường thuộc quyền sở hữu của bị cáo, không dùng vào việc phạm tội, tại phiên tòa bị cáo đề nghị xin lại; đối với 01 chiếc áo phông ngắn tay màu ghi xám thuộc quyền sở hữu

của bị hại, tại phiên tòa bị hại đề nghị xin lại, cần trả lại cho bị cáo và bị hại theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo và bị hại đã thống nhất thỏa thuận với nhau về việc bồi thường thiệt hại, bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 250.000.000 đồng, trong đó bị cáo đã bồi thường 200.000.000 đồng và ngày 03/12/2018 bị cáo tác động gia đình nộp 50.000.000 đồng tại Cơ quan điều tra để bồi thường cho bị hại (đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện K quản lý theo biên lai số 0005416 ngày 04/4/2019). Vì vậy trả lại cho bị hại số tiền trên. Nay bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo.

[10] Về án phí: Bị cáo không thuộc hộ nghèo, cận nghèo của địa P nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; đối với số tiền 50.000.000 Đ mà gia đình bị cáo đã nộp tại Cơ quan điều tra để bồi thường cho bị hại, được xác định là tự nguyện nộp tiền bồi thường trước khi mở phiên tòa theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, do đó bị cáo không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cố ý gây thương tích", thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, thành phố Hải phòng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của B án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 250.000.000 Đ, trong đó đã bồi thường trực tiếp 200.000.000 đồng và ngày 03/12/2018 nộp tại Cơ quan điều tra 50.000.000 đồng (đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện K quản lý). Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 590 của Bộ luật Dân sự, trả lại cho bị hại Đặng Văn P số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) theo biên lai số 0005416 ngày 04/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 gậy gỗ dài 130cm, hình vuông, kích

thước 4x4cm; trả lại bị cáo 01 đôi dép nữ màu nâu; trả lại bị hại Đặng Văn P 01 áo phông ngắn tay màu ghi xám (theo biên B giao nhận vật chứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K ngày 04/4/2019).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn Đ) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần B án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K ;
- Chi cục THA dân sự + Sở tư pháp;
- Ủy ban nhân dân xã H;
- PV 06, PC 10;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Diệu